

Bản án số: 72/2022/HN&GD-ST

Ngày 15/4/2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lường Thị Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Bình Quyền  
2. Bà Đỗ Thị V

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dân- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Hà – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoàng Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V, Sinh năm 1986. Có mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H, Sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2022, bản tự khai ngày 04/3/2022, lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị V thể hiện như sau:*

Chị V và anh H kết hôn với nhau năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã H cấp. Sau khi cưới cuộc sống chung giữa chị và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là anh H thường xuyên rượu chè đánh đập vợ con, xúc phạm chị cả về thể xác lẫn tinh thần. Chị V không chịu đựng được nên vợ

chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu: Phạm Gia H, sinh ngày 22/3/2007 và cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 08/8/2009. Ly hôn chị V đồng ý để hai cháu cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng vì lâu nay các cháu đang sống cùng anh H. Chị V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh H cho mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000đ, cả hai cháu là 2.000.000đ trên tháng.

Về tài sản chung và công nợ: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai ngày 27/01/2022 của bị đơn Anh Phạm Văn H và lời trình bày tại phiên tòa thể hiện như sau:*

Anh H và chị V kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã H cấp. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc bình thường cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn nên cả hai người phải đi làm ăn xa, mỗi người một nơi, vợ chồng không ở gần nhau, vợ chồng không thông cảm mà còn hiểu lầm nhau. Vợ chồng đã sống ly thân được 3 năm, nay cô V làm đơn ly hôn, anh mong Tòa xem xét hòa giải để vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu: Phạm Gia H, sinh ngày 22/3/2007 và cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 08/8/2009. Nếu chị V cương quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con thì tùy chị V cấp dưỡng nuôi con bao nhiêu cũng được.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai của cháu Phạm Gia H thể hiện như sau:* Cháu là con của bố Phạm Văn H và mẹ Nguyễn Thị V, cháu mong muốn bố mẹ đoàn tụ để cháu có bố, có mẹ như bao đứa trẻ khác, nếu trường hợp mẹ cháu không quay lại thì cháu có nguyện vọng được ở với bố.

*Theo bản tự khai của cháu Phạm Tuấn A thể hiện như sau:* Cháu là con của bố Phạm Văn H và mẹ Nguyễn Thị V, do cuộc sống mưu sinh nên bố mẹ phải đi làm ăn xa, từ nhỏ cháu đã phải ở nhà với ông bà nội, gần đây mẹ không về nhà để chăm sóc các cháu nữa, nay cháu được biết mẹ đơn phương xin ly hôn bố, cháu mong muốn bố mẹ đoàn tụ cho chúng cháu có một gia đình, nếu trường hợp mẹ cháu không quay lại thì cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của chị V và anh H tại UBND xã H thể hiện: Anh Phạm Văn H và Chị Nguyễn Thị V có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 04/8/2006. Về con chung thì anh H và chị V có 02 con chung là các cháu: Phạm Gia

H, sinh ngày 22/3/2007 và cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 08/8/2009. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng địa phương không nắm rõ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* Quan điểm của Đại diện VKS tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định về thủ tục lấy lời khai, tiến hành công khai chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các bên đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Xử cho Chị Nguyễn Thị V được ly hôn Anh Phạm Văn H.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cả hai cháu Phạm Gia H, sinh ngày 22/3/2007 và cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 08/8/2009 cho Anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.000.000đ, cả hai cháu là 2.000.000đ trên tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi các cháu thành niên.

Về tài sản: Chị V và anh H không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện và các bên không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và Anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2006. Như vậy về hôn nhân giữa chị V và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị V sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng đã luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh H rượu chè thường xuyên đánh đập vợ con. Bản thân chị bị xúc phạm cả về thể xác lẫn tinh thần, do không chịu đựng được nên chị đã bỏ đi làm ăn xa từ năm 2017 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Theo anh H thì do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, cả hai vợ chồng phải bươn chải đi làm ăn xa rồi dẫn đến giữa hai vợ chồng có sự hiểu lầm lẫn nhau nên vợ chồng đã sống ly thân được 3

năm. Nay chị V làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H, anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh H và chị V xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hiểu nhau và không trân trọng nhau, bạo lực gia đình thường xuyên xảy ra và dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân nhiều năm nay. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị V được ly hôn anh H là phù hợp với tình trạng hôn nhân của anh chị hiện nay.

[2] Về con chung: Anh H và chị V thống nhất vợ chồng có 02 con chung là các cháu: Phạm Gia H, sinh ngày 22/3/2007 và cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 08/8/2009. Nếu ly hôn thì nguyện vọng của anh H là muốn được nuôi cả hai cháu và chị V cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh bao nhiêu cũng được. Chị V đồng ý giao cả hai cháu cho anh H trực tiếp nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy từ nhỏ do anh H và chị V đi làm ăn xa, cháu Phạm Gia H và cháu Phạm Tuấn A đã do ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng và từ khi chị V bỏ đi từ năm 2017 thì hai cháu đã sống ổn định cùng anh H và ông bà nội, hiện nay các cháu đều đang đi học tại trường làng, nguyện vọng của các cháu đều muốn ở với bố nên giao cả hai cháu cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa anh H không đề nghị chị V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng cụ thể là bao nhiêu mà là tùy chị V. Chị V tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000đ, cả hai cháu là 2.000.000đ mỗi tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2022, đề nghị của chị V được anh H chấp nhận. Xét thấy chị V là người lao động tự do, không xác định được mức thu nhập hàng tháng là bao nhiêu nên mức cấp dưỡng mà chị V đưa ra là phù hợp với thực tế, cần chấp nhận.

[3] Về tài sản: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị V phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật và phải chịu án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

*Vì các lẽ trên!*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng:* Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. *Về hôn nhân:* Xử cho Chị Nguyễn Thị V được ly hôn Anh Phạm Văn H.

2. *Về nuôi con chung:*

Công nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Gia H, sinh ngày 22/3/2007 và cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 08/8/2009.

Giao các cháu Phạm Gia H và Phạm Tuấn A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V có quyền quan lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng 1.000.000đ cho một cháu, cả hai cháu là 2.000.000đ trên tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0010702 ngày 28/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa. Số tiền còn lại chị V phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị V, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Hoằng Hóa.
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa.
- Các đương sự
- UBND xã H
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Lường Thị Hoa**

